

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 09 ngày ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2021
Ông Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 04 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Giám đốc



Lê Đăng Phúc
Ngày 1 tháng 3 năm 2022

1981
HI N
CÓN
KH NH
12 TO
A
TA
NG

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0382/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

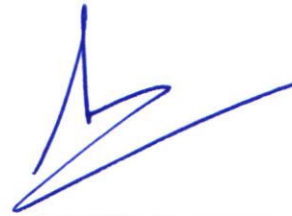
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		770.835.480.941	554.715.149.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	226.306.248.566	82.841.204.189
1. Tiền	111		159.906.248.566	67.341.204.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		66.400.000.000	15.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		483.146.279.532	414.248.970.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	429.668.911.820	392.733.775.027
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.878.649.593	7.969.366.080
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		21.853.950	23.853.950
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	50.415.376.216	26.059.805.933
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(17.838.512.047)	(12.537.830.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		50.082.955.984	49.928.504.991
1. Hàng tồn kho	141	V.7	50.082.955.984	49.928.504.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.299.996.859	7.696.469.758
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.395.354.117	5.191.062.300
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.904.642.742	2.505.407.458
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.300.393.829.281	1.266.472.858.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.413.762.552	29.339.021.578
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		14.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	22.399.762.552	29.339.021.578
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		875.085.909.653	957.517.424.697
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	873.868.471.485	955.476.311.484
<i>Nguyên giá</i>	222		2.348.199.947.091	2.384.719.331.161
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.474.331.475.606)	(1.429.243.019.677)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	884.362.329	1.609.620.188
<i>Nguyên giá</i>	225		1.954.941.271	2.741.157.634
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.070.578.942)	(1.131.537.446)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	333.075.839	431.493.025
<i>Nguyên giá</i>	228		1.144.215.000	1.097.685.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(811.139.161)	(666.191.975)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	198.552.681.743	53.927.632.800
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		198.552.681.743	53.927.632.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	151.205.055.866	168.323.945.455
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		151.205.055.866	168.323.945.455
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.136.419.467	57.364.834.263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	53.136.419.467	57.364.834.263
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.071.229.310.222	1.821.188.008.482

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.112.516.826.710	973.187.898.543
I. Nợ ngắn hạn	310		555.135.532.088	467.959.585.140
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	176.800.556.905	142.695.374.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.667.959.335	34.859.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	21.833.267.743	21.020.878.257
4. Phải trả người lao động	314		20.738.459.400	8.331.333.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	64.901.714.474	44.180.246.678
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	901.500.000	2.704.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	20.143.860.933	35.063.587.618
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	229.759.985.763	208.947.492.846
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	15.388.227.535	4.981.311.316
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		557.381.294.622	505.228.313.403
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	901.500.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	23.700.000	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	557.357.594.622	504.303.113.403
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		958.712.483.512	848.000.109.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	958.712.483.512	848.000.109.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		267.981.250.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		267.981.250.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		247.676.124.253	209.168.303.272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.009.146.352	27.631.515.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		229.694.825.815	187.738.484.073
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61.079.703.746	185.922.347.838
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		168.615.122.069	1.816.136.235
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		186.351.137.092	158.461.807.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.071.229.310.222	1.821.188.008.482

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

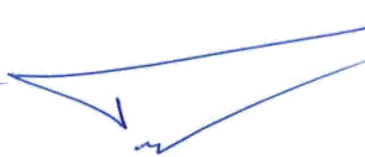
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Hải Đăng



Vũ Quang Tiến



Đặng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.536.159.851.778	1.320.738.472.899
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.036.859.371	1.044.835.558
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.535.122.992.407	1.319.693.637.341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.186.311.486.498	995.511.762.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		348.811.505.909	324.181.875.323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.504.686.674	3.109.400.308
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62.060.210.252	72.307.135.635
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60.575.562.768	71.675.314.841
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.680.685.866	8.572.715.279
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	22.532.144.445	15.310.624.537
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	83.476.787.488	70.146.486.163
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		195.927.736.264	178.099.744.575
12. Thu nhập khác	31	VI.7	45.510.283.570	6.264.401.307
13. Chi phí khác	32	VI.8	5.408.281.072	2.463.588.448
14. Lợi nhuận khác	40		40.102.002.498	3.800.812.859
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		236.029.738.762	181.900.557.434
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	27.435.516.549	19.359.882.510
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	3.203.036.281
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		208.594.222.213	159.337.638.643
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		172.044.874.074	138.260.930.662
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		36.549.348.139	21.076.707.981
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	5.673	4.561
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	5.673	4.561

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến

Đặng Phúc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	236.819.167.909	181.900.557.434
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9-11	205.311.208.207	224.299.731.252
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	5.300.681.808	9.328.551.595
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	264.635.360	177.326.178
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.793.918.889)	(1.626.123.214)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	60.575.562.768	71.675.314.841
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	454.477.337.163	485.755.358.086
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(69.872.961.198)	(23.135.536.424)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(154.450.993)	17.039.657.422
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	82.531.335.601	(127.432.949.236)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(696.105.705)	(10.424.203.526)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(59.043.275.883)	(78.018.517.639)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(29.491.229.775)	(11.806.009.618)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(22.156.182.421)	(18.403.076.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	355.594.466.789	233.574.722.677
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(359.460.731.473)	(66.544.276.519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	132.725.375.670	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(47.853.950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	7.004.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.275.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	40.846.428.462	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.316.658.849	1.611.045.406
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(198.847.268.492)	(57.977.085.063)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.981.250.000	1.732.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	536.371.616.983	389.438.026.672
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(462.119.345.756)	(483.736.703.502)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(385.297.091)	(395.196.072)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(89.803.160.000)	(82.196.209.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.954.935.864)	(175.158.081.902)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		143.792.262.433	439.555.712
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	82.841.204.189	82.560.922.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(327.218.056)	(159.274.087)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	226.306.248.566	82.841.204.189

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiên



Nguyễn Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con (03 Công ty con trực tiếp, 01 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%	51%
Công ty cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%	54%
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*)	162/24 Đường 42, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	51%	51%	51%	51%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	31%	40%	31%	40%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	45%	-	45%	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là lĩnh vực cho thuê tài sản, vận tải, dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí... không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Nhìn chung, năm 2021 Tập đoàn vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, hoàn thành vượt so với kế hoạch được giao. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 646 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 563 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

-002
ÁNH
TY
HỮU
VÀ TỬ
V C
HÀ N
A - T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.541.650.705	862.301.832
Tiền gửi ngân hàng	157.364.597.861	66.478.902.357
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	66.400.000.000	15.500.000.000
Cộng	<u>226.306.248.566</u>	<u>82.841.204.189</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱ⁾	121.249.370.000	7.104.862.318	128.354.232.318	156.450.800.000	10.873.145.455	167.323.945.455
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry) ⁽ⁱⁱ⁾	22.275.000.000	575.823.548	22.850.823.548	-	-	-
Cộng	145.524.370.000	5.680.685.866	151.205.055.866	158.450.800.000	9.873.145.455	168.323.945.455

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270	31,00%	5.046.800	40,00%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	200.000	20,00%	200.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	2.025.000	45,00%	-	-

(i) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 1.135.530 cổ phần Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, giá trị ghi sổ 35.201.430.000 VND (31.000 VND/cổ phần) cho Công ty PSA Vietnam Pte Ltd, Singapore với giá bán 40.966.428.462 VND, chi phí thanh lý 120.000.000 VND, lãi chuyển nhượng 5.644.998.462 VND.

(ii) Trong năm, Công ty đã mua 2.025.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry) từ các cổ đồng sáng lập (Công ty TNHH MTV Dịch vụ thương mại Huỳnh Thy và Công ty TNHH L&D Auto) với giá mua 11.000 VND/cổ phần, tổng giá trị nhận chuyển nhượng 22.275.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	167.323.945.455	1.000.000.000	-	168.323.945.455
Giá trị đầu tư/thanh lý trong năm	(37.878.066.433)	-	22.275.000.000	(15.603.066.433)
Lãi/lỗ trong năm	7.894.291.465	(1.000.000.000)	575.823.548	7.470.115.013
Công ty liên kết chia cổ tức trong năm	(8.196.509.022)	-	-	(8.196.509.022)
Công ty liên kết trích quỹ	(2.676.636.433)	-	-	(2.676.636.433)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	128.354.232.318	-	22.850.823.548	151.205.055.866

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Công ty liên kết chia cổ tức	8.196.509.022	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)		
Doanh thu phí vận chuyển	1.400.000.000	-
Doanh thu cho thuê phương tiện	12.557.500.000	-

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>162.195.182.483</i>	<i>106.082.629.877</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	139.898.689.943	81.347.095.815
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	1.300.000	42.175.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	1.756.000	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.047.800.000	312.100.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.698.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	-	821.463.500
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	-	488.074.760
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	15.000.000	26.029.000
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	3.532.636.540	6.545.691.802
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>267.473.729.337</i>	<i>286.651.145.150</i>
Liên doanh Việt Nga Vietsovet	53.242.391.104	39.832.688.394
Aussie Offshore Services Limited	29.300.259.651	-
Jungwon Maritime Pte. Ltd	20.967.616.708	21.333.438.645
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,	-	28.963.169.430
Các khách hàng khác	163.963.461.874	196.521.848.681
Cộng	<u>429.668.911.820</u>	<u>392.733.775.027</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>20.878.649.593</i>	<i>7.969.366.080</i>
Haridass Ho & Partners	11.647.725.000	-
Công ty TNHH MTV Cao su 75	2.138.400.000	-
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	-	3.967.181.680
Các nhà cung cấp khác	7.092.524.593	4.002.184.400
Cộng	<u>20.878.649.593</u>	<u>7.969.366.080</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	20.857.998.531	-	18.568.228.367	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng ⁽ⁱ⁾	240.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	20.617.998.531	-	18.568.228.367	-
Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh thu hồi dần hàng năm ⁽ⁱⁱ⁾	19.412.691.892	-	17.877.602.312	-
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.205.306.639	-	690.626.055	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	29.557.377.685	-	7.491.577.566	-
Tiền giảm giá thuê canteen	-	-	200.454.545	-
Tài sản thiếu xử lý	-	-	127.518.764	-
Dự thu lãi tiền gửi	56.937.983	-	15.077.808	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – ký quỹ mở L/C	19.383.061.236	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	2.574.944.900	-	1.331.836.268	-
Tạm ứng	5.511.357.509	-	3.617.194.108	-
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	-	-	180.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.031.076.057	-	2.018.996.073	-
Cộng	50.415.376.216	-	26.059.805.933	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.437.689.052	-	20.848.453.078	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng ⁽ⁱ⁾	240.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	14.197.689.052	-	20.848.453.078	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.962.073.500	-	8.490.568.500	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	7.962.073.500	-	8.490.568.500	-
Cộng	22.399.762.552	-	29.339.021.578	-

(i) Khoản cho Ông Dũng - Phó Tổng Giám đốc vay tiền mua tài sản theo Hợp đồng số 001/2021/HĐVT-TCO ngày 26/11/2021, số tiền 480.000.000 VND, lãi suất 0%, mỗi tháng thu hồi 20.000.000 VND bằng cách trừ vào lương, thời hạn thu hồi đến hết ngày 25/11/2023.

(ii) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)
				Từ 2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	Từ 2 - < 3 năm	700.000.000	(490.000.000)	Từ 1 - < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	Từ 1 - < 2 năm	21.267.976.405	(10.633.988.203)	Từ 6 T - < 1 năm	21.267.976.405	(6.380.392.922)
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Nam Phát Đạt	Từ 2 - < 3 năm	1.553.400.000	(1.087.380.000)		-	-
Cộng		29.939.933.693	(17.838.512.047)		28.386.533.693	(12.537.830.239)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.537.830.239	3.209.278.644
Trích lập dự phòng bổ sung	5.300.681.808	9.328.551.595
Số cuối năm	17.838.512.047	12.537.830.239

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.079.784.511	2.129.530.167
Công cụ dụng cụ	6.709.621	34.651.649
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.829.548.187	46.304.308.764
Thành phẩm	30.524.524	2.384.698
Hàng hóa	4.136.389.141	1.457.629.713
Cộng	50.082.955.984	49.928.504.991

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	5.835.556.540	3.727.192.013
Chi phí sửa chữa tài sản	556.669.380	158.625.157
Chi phí công cụ dụng cụ	498.504.782	387.811.560
Chi phí khác	504.623.415	917.433.570
Cộng	7.395.354.117	5.191.062.300

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.499.467.504	8.192.966.563
Chi phí sửa chữa, bồi dưỡng tàu và tài sản khác	36.612.990.181	35.088.839.965
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	10.194.523.391	10.710.173.572
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	195.539.861	1.145.436.667
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.633.898.530	2.227.417.496
Cộng	53.136.419.467	57.364.834.263

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	442.962.381.799	1.138.863.926.459	790.535.172.988	11.159.629.660	1.198.220.255	2.384.719.331.161
Mua trong năm	94.286.000	-	210.461.764.907	-	30.000.000	210.586.050.907
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	786.216.363	-	-	786.216.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(247.891.651.340)	-	-	(247.891.651.340)
Số cuối năm	443.056.667.799	1.138.863.926.459	753.891.502.918	11.159.629.660	1.228.220.255	2.348.199.947.091
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	93.800.000	265.725.984.289	9.252.252.436	10.387.961.559	59.590.909	285.519.589.193
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	378.500.116.870	706.358.432.314	332.707.446.941	10.695.321.590	981.701.962	1.429.243.019.677
Khấu hao trong năm	22.243.835.307	97.190.186.270	84.945.233.334	187.130.602	197.403.146	204.763.788.659
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	463.430.866	-	-	463.430.866
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(160.138.763.596)	-	-	(160.138.763.596)
Số cuối năm	400.743.952.177	803.548.618.584	257.977.347.545	10.882.452.192	1.179.105.108	1.474.331.475.606
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	64.462.264.929	432.505.494.145	457.827.726.047	464.308.070	216.518.293	955.476.311.484
Số cuối năm	42.312.715.622	335.315.307.875	495.914.155.373	277.177.468	49.115.147	873.868.471.485
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 96.940.492.203 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.741.157.634	(1.131.537.446)	1.609.620.188
Khấu hao trong năm	-	(402.472.362)	(402.472.362)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(786.216.363)	463.430.866	(322.785.497)
Số cuối năm	1.954.941.271	(1.070.578.942)	884.362.329

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.097.685.000	(666.191.975)	431.493.025
Mua trong năm	46.530.000	-	46.530.000
Khấu hao trong năm	-	(144.947.186)	(144.947.186)
Số cuối năm	1.144.215.000	(811.139.161)	333.075.839

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	47.229.484.657	356.043.846.213	(211.418.797.270)	191.854.533.600
Mua sắm tàu Tân Cảng Eagle	-	62.495.588.471	(62.495.588.471)	-
Mua sắm tàu Tân Cảng Dolphin	-	95.153.966.129	(95.153.966.129)	-
Mua sắm tàu Nha Trang	-	161.871.113.600	-	161.871.113.600
Mua sắm tàu lai dắt Tân Cảng 99	-	29.983.420.000	-	29.983.420.000
Mua sắm tàu Tân Cảng Vigour	47.229.484.657	5.682.341.650	(52.911.826.307)	-
Mua sắm tài sản cố định khác	-	70.000.000	(70.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	6.698.148.143	-	-	6.698.148.143
Dự án 52 – 58 Trần Phú	542.740.734	-	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	3.141.771.045	-	-	3.141.771.045
Cộng	53.927.632.800	355.256.429.850	(210.631.380.907)	198.552.681.743

Tài sản có giá trị theo sổ sách là 161.871.113.600 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

- (*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong năm không thực hiện thêm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	26.248.628.855	12.401.361.989
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.141.748.798	818.815.478
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.348.368.540	2.695.624.433
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	9.141.000.000	4.851.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.	5.536.063.030	-
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	6.966.639.220	3.943.571.340
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	114.809.267	90.131.378
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	-	2.219.360
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	155.212.848.130	130.294.012.903
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	21.268.814.298	7.217.756.244
Các nhà cung cấp khác	111.152.082.779	87.103.926.740
Cộng	133.944.033.832	123.076.256.659

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	599.650.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	599.650.000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	4.068.309.335	34.859.725
Nanjing Tianchen Shipping Engineering Co., Ltd.,	1.869.450.000	-
Glory Future Shipping Co., Ltd	183.270.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Sơn Hà	1.925.000.000	-
Các khách hàng khác	90.588.535	34.859.725
Cộng	4.667.959.335	34.859.725

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.569.522.588	27.329.321.062	(24.229.125.150)	4.669.718.500
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	26.478.288.883	(26.478.288.883)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.130.520.080	(1.130.520.080)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.422.827.717	26.784.380.095	(29.491.229.775)	15.715.978.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên liên doanh	-	651.136.454	(651.136.454)	-
Thuế thu nhập cá nhân	484.673.575	8.455.498.306	(7.714.215.329)	1.225.956.552
Thuế môi trường	-	497.146.000	(497.146.000)	-
Thuế nhà thầu	543.854.377	991.362.566	(1.330.640.660)	204.576.283
Tiền thuê đất	-	16.308.054	(16.308.054)	-
Thuế môn bài	-	21.000.000	(21.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	56.801.675	(39.763.304)	17.038.371
Cộng	21.020.878.257	92.411.763.175	(91.599.373.689)	21.833.267.743

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế	0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ	5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	8.940.632.000	8.940.632.000
- Tiền thuê đất		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	55.961.082.474	35.239.614.678
Lãi vay phải trả	20.180.032.608	18.647.745.723
Chi phí thuê tàu phải trả	10.080.415.630	10.268.037.074
Chi phí nhiên liệu phải trả	12.109.176.401	852.327.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.831.268.436	637.703.140
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.760.189.399	4.833.801.613
Cộng	64.901.714.474	44.180.246.678

17. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản của khách hàng Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Phải trả khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	284.471.601	24.452.212.714
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	284.471.601	21.654.608.072
- Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	284.471.601	151.448.072
- Cổ tức phải trả	-	21.503.160.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	2.659.604.642
Ông Lê Đăng Phúc - Cổ tức phải trả	-	105.000.000
Ông Phạm Huy Vũ - Cổ tức phải trả	-	16.500.000
Bà Nguyễn Thị Gấm - Cổ tức phải trả	-	16.500.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	19.339.943.637	10.611.374.904
Tài sản thừa chờ giải quyết	33.475.000	87.587.588
Kinh phí công đoàn	519.848.221	291.416.895
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.061.911	312.758.593
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	1.769.618.000	1.772.480.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.794.200.000	5.565.699.000
Các khoản chi hộ phải trả	934.473.257	1.520.209.305
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	10.572.544.019	500.195
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.233.168.924	1.198.723.328
Cộng	20.143.860.933	35.063.587.618

(i) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con) để thực hiện dự án quản lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An điều dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo Biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Công ty con mua lại phần vốn góp của VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Công ty con không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	131.030.332.656	126.936.301.614
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	45.392.697.081	30.631.735.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	51.546.252.749	36.025.417.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.091.382.826	60.279.148.529



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	98.428.501.123	81.625.894.140
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú	17.363.646.935	30.945.894.140
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	8.905.400.000	15.400.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	36.879.454.188	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	35.280.000.000	35.280.000.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	301.151.984	385.297.092
Cộng	229.759.985.763	208.947.492.846

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<i>Ngân hàng/Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ngày 16/11/2020	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND	12 tháng	4,9% đến 6%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND/ Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Các khoản thu nhập từ hợp đồng với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú</i>				
Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD ngày 12/12/2019	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 8,7%/năm	03 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu Tan Cang 66, Tàu TC Royal
Hợp đồng tín dụng ngày 09/11/2021	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 8,7%/năm	03 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu Tan Cang 66, Tàu TC Royal
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa</i>				
Hợp đồng tín dụng số 01/2020/12827294/HĐTĐ ngày 30/09/2020	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 6,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Hợp đồng tín dụng ngày 31/12/2021	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 6,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	126.936.301.614	272.092.837.655	-	(267.998.806.613)	131.030.332.656
Vay dài hạn đến hạn trả	81.625.894.140	-	102.595.141.123	(85.792.534.140)	98.428.501.123
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	385.297.092	-	301.151.983	(385.297.091)	301.151.984
Cộng	208.947.492.846	272.092.837.655	102.896.293.106	(354.176.637.844)	229.759.985.763

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan khác</i>	81.000.000.000	81.000.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	379.972.594.642	272.237.536.440
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	29.934.129.502	77.073.536.437
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	168.935.565.140	-
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	31.168.900.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	149.934.000.000	195.164.000.003
<i>Vay dài hạn các tổ chức khác và cá nhân khác</i>	96.100.000.000	150.479.425.000
<i>Nợ thuê tài chính</i>	284.999.980	586.151.963
Cộng	557.357.594.622	504.303.113.403

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	379.972.594.642	296.037.536.440
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	177.100.000.000	207.679.425.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱ⁾	284.999.980	586.151.963
Cộng	557.357.594.622	504.303.113.403

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2017	Đầu tư tàu Olympic Progress/ Hạn mức vay tương đương 1.400.000 USD	05 năm	8,1% đến 9,6%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.200.000 USD	05 năm	8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bền; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530	05 năm đến 10 năm	7% đến 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 7 năm 2021	Tài trợ khoản vay vốn đầu tư trung hạn không tuần hoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	54 tháng	7,0%/năm	Tàu TC Vigour, số hiệu IMO 9443530
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu				
Hợp đồng số ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	8,1%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam				
Hợp đồng vay số 01/2016/HTKD/SNP-TCOTS ngày 07/12/2016	Đầu tư dự án “Hàng không chung”	Theo thời gian đầu tư dự án, nhưng không dưới 01 năm	9%/năm	Không có tài sản đảm bảo.
Hợp đồng vay số 01/2020/TCOTS/WISECO ngày 16/11/2020	Đầu tư tàu Tân Cảng Pacific Vigour	02 năm	11,4%.	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Các hợp đồng ký kết năm 2018	Đầu tư các phương tiện vận tải (xe ô tô)	03 đến 04 năm	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 85.19.01/CTTC ngày 20/2/2019	02 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL	72 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks và đầu tư mua tàu TC Fortune (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm, 8 năm và 10 năm). Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư tàu TC 89, đầu tư tàu TC Fortune và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	145.300.000.000	172.420.000.000
Bên liên quan	80.000.000.000	80.000.000.000
Các cá nhân khác	65.300.000.000	92.420.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Đầu tư tàu TC 69 (lãi suất 18%/năm)	-	3.459.425.000
Các cá nhân khác	-	3.459.425.000
Cộng	177.100.000.000	204.220.000.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	478.401.095.765	98.428.501.123	336.601.126.254	43.371.468.388
Vay dài hạn tổ chức và các cá nhân khác	96.100.000.000	-	96.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	586.151.963	301.151.983	284.999.980	-
Cộng	656.087.247.728	98.729.653.106	513.986.126.234	43.371.468.388

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	272.237.536.440	264.278.779.328	226.188.691.338	46.048.845.102
Vay dài hạn tổ chức và cá nhân khác	150.479.425.000	-	150.479.425.000	-
Nợ thuê tài chính	586.151.963	-	586.151.963	-
Cộng	504.303.113.403	264.278.779.328	458.254.268.301	46.048.845.102

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	81.000.000.000	-	-	-	81.000.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	272.237.536.440	264.278.779.328	(53.948.580.003)	(102.595.141.123)	379.972.594.642
Vay dài hạn cá nhân	150.479.425.000	-	(54.379.425.000)	-	96.100.000.000
Nợ thuê tài chính	586.151.963	-	-	(301.151.983)	284.999.980
Cộng	504.303.113.403	264.278.779.328	(108.328.005.003)	(102.896.293.106)	557.357.594.622

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Điều chuyển quỹ	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	500.714.016	13.301.970.784	745.705.000	(12.629.647.601)	1.918.742.199
Quỹ phúc lợi	2.154.889.189	14.351.901.983	(745.705.000)	(5.990.811.140)	9.770.275.032
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.325.708.111	4.229.400.667	-	(2.855.898.474)	3.699.210.304
Cộng	4.981.311.316	31.883.273.434	-	(21.476.357.215)	15.388.227.535

15-G
HÀNH
G T
M H
VÀ
C
HÀ P
A - T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	265.000.000.000	172.424.805.950	164.864.029.291	27.643.218.416	148.940.644.910	778.872.698.567
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	1.732.000.000	1.732.000.000
Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	-	-	(507.227.902)	-	-	(507.227.902)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	138.260.930.662	-	21.076.707.981	159.337.638.643
Công ty mẹ trích quỹ	-	35.772.134.421	(51.869.594.911)	-	-	(16.097.460.490)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(60.950.000.000)	-	(12.258.384.000)	(73.208.384.000)
Công ty con trích quỹ	-	971.362.901	(1.794.735.763)	(11.703.356)	(774.632.966)	(1.609.709.184)
Thù lao Ban điều hành Công ty con	-	-	(264.917.304)	-	(254.528.391)	(519.445.695)
Số dư cuối năm nay	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	848.000.109.939
Số dư đầu năm nay	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	848.000.109.939
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	2.981.250.000	-	-	-	-	2.981.250.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	172.044.874.074	-	36.549.348.139	208.594.222.213
Công ty mẹ trích quỹ	-	36.252.005.720	(66.060.784.939)	-	-	(29.808.779.219)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(60.950.000.000)	-	(7.350.000.000)	(68.300.000.000)
Công ty con trích quỹ	-	1.567.581.414	(2.868.736.538)	65.865.139	(1.109.204.230)	(2.344.494.215)
Điều chuyển quỹ khác tại Công ty con	-	688.233.847	-	(688.233.847)	-	-
Thù lao Ban điều hành Công ty con	-	-	(209.010.855)	-	(200.814.351)	(409.825.206)
Số dư cuối năm nay	267.981.250.000	247.676.124.253	229.694.825.815	27.009.146.352	186.351.137.092	958.712.483.512

(*) Phát hành 298.125 cổ phiếu theo hình thức chào bán riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn để bổ sung để mua nhiên liệu dầu DO 0.05% S-II cho các tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	96.473.250.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	267.981.250.000	265.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.798.125	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.798.125	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.798.125	26.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

- Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021:

Phân phối lợi nhuận năm 2020 VND

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	60.950.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	:	36.252.005.720
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST)	:	6.042.000.953
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST)	:	6.042.000.953
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	:	2.416.800.381
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1% LNST)	:	1.812.600.286

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2021

• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST)	6.747.688.323
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST)	6.747.688.323

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước VND

• Trích Quỹ đầu tư phát triển (15% LNST)	:	3.073.689.048
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	:	1.024.563.016
• Trích kinh phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	:	409.825.206

- Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước VND

• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	:	1.029.931.199
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	:	411.972.480

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21e. Kế hoạch tăng vốn

Thực hiện Tờ trình số 05B/2021/TTr ngày 6/4/2021 đã được phê duyệt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 03/12/2021 và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/01/2021 về triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15,679735% (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận 15,679735 cổ phần mới). Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 4.201.875 cổ phiếu với tổng giá trị 42.018.750.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến phát hành tối đa sau khi phát hành là 310.000.000.000 VND. Thời gian dự kiến phát hành là quý I/2022, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	3.872.052,25	774.705,66
Euro (EUR)	50,00	50,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	328.552.989.389	582.128.082.279
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	220.546.626.132	334.847.283.581
Doanh thu bán tàu, sà lan	895.705.534.517	49.560.407.273
Doanh thu bán hàng hóa	55.958.000.000	195.781.402.760
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	12.811.200.665	12.354.583.644
Doanh thu dịch vụ khác	22.585.501.075	146.066.713.362
Cộng	<u>1.536.159.851.778</u>	<u>1.320.738.472.899</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phí cho dịch vụ cho thuê tài sản tại Cảng	311.197.911.682	227.644.718.039
Phí dịch vụ khác	10.352.061.853	49.866.308.748
Bán hàng hóa	10.371.143.321	
Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	9.218.500.000	746.785.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	-	706.431.600
Công ty TNHH MTV 128	-	3.816.722.727
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	1.577.909.091	283.727.273
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	60.384.200.682	60.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	-	70.539.913.720

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	791.836.552.674	509.168.102.656
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	141.473.968.875	163.244.287.575
Giá vốn bán tàu, sà lan	53.680.181.957	34.923.633.133
Giá vốn bán hàng hóa	178.610.567.022	184.355.937.640
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	7.957.478.115	8.022.996.142
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	12.752.737.855	95.796.804.872
Cộng	<u>1.186.311.486.498</u>	<u>995.511.762.018</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	1.178.722.401	1.685.375.144
Lãi chuyển nhượng cổ phần tại công ty liên kết	2.968.362.029	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.351.672.091	1.256.831.343
Chiết khấu thanh toán	5.930.153	116.342.869
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	50.850.952
Cộng	<u>8.504.686.674</u>	<u>3.109.400.308</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	60.575.562.768	71.675.314.841
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.220.012.124	454.494.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	264.635.360	177.326.178
Cộng	<u>62.060.210.252</u>	<u>72.307.135.635</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.448.856.353	8.716.105.378
Chi phí vật liệu, bao bì	145.019.268	123.798.145
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	981.648.768	311.052.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.495.968	-
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	7.994.999	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.845.811.192	4.861.122.335
Chi phí cho nhân viên	2.098.317.897	1.298.546.509
Cộng	<u>22.532.144.445</u>	<u>15.310.624.537</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	46.590.149.552	35.990.968.927
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	714.892.601	753.515.962
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.355.476.924	1.368.846.608
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.571.732.183	1.720.384.340
Thuế, phí và lệ phí	163.396.997	263.323.509
Dự phòng phải thu khó đòi	5.300.681.808	9.328.551.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.287.692.282	15.989.603.657
Chi phí bằng tiền khác	11.492.765.141	4.731.291.565
Cộng	<u>83.476.787.488</u>	<u>70.146.486.163</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ bán dầu tồn tại tàu thuê	-	1.382.224.733
Thu từ thanh lý TSCĐ	27.646.754.639	-
<i>Thu thanh lý TSCĐ</i>	<i>82.629.570.000</i>	-
<i>GTCL của TSCĐ thanh lý</i>	<i>(49.283.979.847)</i>	-
<i>Chi phí thanh lý TSCĐ</i>	<i>(5.698.835.514)</i>	-
Thu tiền bồi thường	12.758.002.615	4.353.270.380
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	209.435.156	74.359.709
Xử lý công nợ thực tế không phải thanh toán	-	103.505.365
Thu nhập khác	4.896.091.160	351.041.120
Cộng	<u>45.510.283.570</u>	<u>6.264.401.307</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	566.057.219	629.787.786
Bảo hiểm chậm nộp	18.976.051	5.115.211
Giá vốn dầu tồn tại tàu thuê	391.847.286	1.144.052.132
Giá vốn dịch vụ sửa chữa tàu	3.967.319.656	-
Xử lý vật tư thiếu do kiểm kê	159.004.290	-
Chi phí khác	305.076.570	684.633.319
Cộng	<u>5.408.281.072</u>	<u>2.463.588.448</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	172.044.874.074	138.260.930.662
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty mẹ (*)	(13.495.376.646)	(12.084.001.906)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty con (*)	(1.812.482.246)	(1.078.689.985)
Trích thưởng Ban điều hành (*)	(2.699.075.329)	(2.416.800.381)
Trích kinh phí HĐQT, BKS (*)	(2.024.306.497)	(1.812.600.286)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	152.013.633.356	120.868.838.104
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	26.798.125	26.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>5.673</u>	<u>4.561</u>

(*) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay:

Tại Công ty mẹ, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành và kinh phí HĐQT, BKS được tạm xác định theo tỷ lệ lần lượt là 5%, 2% và 1,5% lợi nhuận sau thuế năm nay theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 về kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển (Công ty con), quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm xác định theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế số Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Tại Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc (Công ty con), quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm xác định theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế số Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành và kinh phí HĐQT, BKS khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.578 VND xuống 4.561 VND.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.693.855.029	204.866.229.875
Chi phí nhân công	207.838.203.707	166.168.767.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.311.208.207	224.299.731.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419.767.752.889	214.899.412.901
Chi phí khác	48.037.606.056	63.070.291.169
Cộng	<u>1.089.648.625.888</u>	<u>873.304.432.214</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài giao dịch và số dư công nợ với Ông Nguyễn Quốc Dũng – Phó Tổng Giám đốc đã được trình bày ở thuyết minh V.5, Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ nào khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT (từ 27/2/2021)	-	-	297.000.000	297.000.000
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT (đến 27/2/2021)	-	-		
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	247.500.000	247.500.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.071.000.000	514.000.000	498.000.000	2.083.000.000
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	639.583.333	181.600.000	-	821.183.333
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	520.200.000	205.275.000	-	725.475.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	196.813.636	134.800.000	-	331.613.636
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	50.000.000	993.025.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	552.000.000	324.500.000	-	876.500.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	524.400.000	348.925.000	-	873.325.000
Cộng		<u>4.733.996.969</u>	<u>2.365.150.000</u>	<u>1.092.500.000</u>	<u>8.191.646.969</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm trước					
Ngô Trọng Phan	Chủ tịch HĐQT	-	-	600.000.000	600.000.000
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	500.000.000	500.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	926.640.000	111.667.525	600.000.000	1.438.307.525
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	632.300.000	118.967.525	30.000.000	520.567.525
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	543.400.000	148.610.250	50.000.000	669.610.250
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	390.000.000	31.851.890	30.000.000	451.851.890
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	411.667.525	-	962.467.525
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	271.498.720	-	822.298.720
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	276.557.175	-	827.357.175
Cộng		4.144.740.000	1.370.820.610	710.000.000	5.692.460.610

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tcots – Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Công ty liên kết (từ ngày 29/11/2021)
Công ty Cổ phần Du lịch – Giải trí Saigon Today	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	-
Sử dụng dịch vụ	3.270.851.033	2.515.584.413
Cổ tức phải trả	21.503.160.000	21.503.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị:		
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	-	12.295.576
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.920.643.650	3.669.481.065
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	927.003.500	929.983.500
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	313.636.364	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	-	1.613.531.263
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	11.100.000.000	7.920.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.14, V.16 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển thực hiện dịch vụ ngoài khơi. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Thông tin về doanh thu và giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị đã thông qua việc tạm ứng 25% cổ tức năm 2021 bằng tiền cho các cổ đông, dự kiến thực hiện ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiên

Phúc